

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 907/KSBT-TTVMS
V/v yêu cầu báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 14 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá cung cấp dịch vụ xét nghiệm các thông số chất lượng trong mẫu nước sạch sử dụng mục đích sinh hoạt của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ths. Cao Thúy Trinh – Khoa XN_CDHA_TDCN

SĐT: 0912482878

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Hoặc qua email: dauthauksbttna@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 15/ 09/ 2023 đến trước 17h00 ngày 25/ 9/ 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15/9/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thông số chất lượng trong mẫu nước sạch sử dụng mục đích sinh hoạt : theo *Phụ lục đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, tổ mua sắm hóa chất vật tư sinh phẩm và cung cấp dịch vụ xn, kỹ thuật chuyên môn ngoài năng lực.



Phụ lục: Danh mục thông số chất lượng trong mẫu nước sạch sử dụng mục đích

sinh hoạt yêu cầu báo giá

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 07/KSBT-TTVMS ngày 14/9/2023 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật)

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Số lượng chỉ tiêu	Đơn giá	Thành tiền
1.	Arsenic (As)	TCVN 6626-2000 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
2.	Độ đục	TCVN 12402-1:2020 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
3.	Màu sắc	TCVN 6185 - 2015 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
4.	pH	TCVN 6492:2011 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
5.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
6.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
7.	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		

8.	Độ cứng tính theo CaCO_3	TCVN 6224 -1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
9.	Fluor (F)	TCVN 6195-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
10.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
11.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
12.	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-FeB: 2017 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
13.	Sunphat	TCVN 6200-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
14.	Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877-2008 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
15.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
16.	Xyanua (CN)	TCVN 6181-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ	06		

Chal

		chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
17.	Selen (Se)	TCVN 6183-1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
18.	Antimon (Sb)	ISO 11885:2007 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
19.	Bari (Ba)	SMEWW 3125B:1012 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
20.	Bor (B)	SMEWW 3125B:1012 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
21.	Crom (Cr)	TCVN 6222-2008 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
22.	Natri (Na)	TCVN 6665:2011 ISO 11885:2007 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
23.	Nhôm (Al)	TCVN 6665:2011 ISO 11885:2007 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
24.	Niken (Ni)	TCVN 6665:2011 ISO 11885:2007 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ	06		

		chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
25.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
26.	1,1,1-Tricloroetan	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
27.	1,2-Dicloroetan	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
28.	1,2-Dicloroeten	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
29.	Cacbontetrachlorua	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
30.	Diclorometan	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
31.	Tetracloroeten	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
32.	Tricloroeten	EPA Method 5021	06		

ch

		(Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
33.	Vinyl chloride	EPA Method 5021 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
34.	Benzene	US EPA 8260C US EPA 8270E (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
35.	Etylbenzen	US EPA 8260C US EPA 8270E (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
36.	Phenol và dẫn xuất phenol	US EPA 8270D (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
37.	Styren	US EPA 8260C US EPA 8270E (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
38.	Toluen	US EPA 8260C US EPA 8270E (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ	06		

ch

		chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
39.	Xylen	US EPA 8260C US EPA 8270E (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
40.	1,2-Diclorobenzen	US EPA 8270D (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
41.	Monoclorobenzen	US EPA 8270D (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
42.	Triclorobenzen	US EPA 8270D (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
43.	Acrylamide	USEPA 8032A (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
44.	Epichlorohydrin	US EPA 8260C US EPA 8270E (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		

ck

45.	Hexachlorobuta diene	USEPA 524.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
46.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	USEPA 524.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
47.	1,2 - Dicloropropan	USEPA 524.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
48.	1,3 - Dichloropropen	USEPA 524.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
49.	2,4-D	US EPA 515.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
50.	2,4 - DB	US EPA 515.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
51.	Alachlor	US EPA 525.3 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ	06		

		chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
52.	Aldicarb	US EPA 531.2 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
53.	Atrazine và các dẫn xuất chloro - S - triazine	US EPA 507 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
54.	Carbofuran	US EPA 531.2 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
55.	Chlorpyrifos	US EPA 525.3 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
56.	Clodane	US EPA 1699 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
57.	Clorotoluron	US EPA 525.3 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
58.	Cyanazine	US EPA 525.3 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		

ck

59.	DDT và các dẫn xuất	US EPA 1699 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
60.	Dichlorprop	US EPA 555 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
61.	Fenoprop	US EPA 515.5 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
62.	Hydroxyatrazine	US EPA 524.4:2013 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
63.	Isoproturon	US EPA 525.3 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
64.	MCPA	US EPA 555 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
65.	Mecoprop	US EPA 555 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
66.	Methoxychlor	US EPA 525.3 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ	06		

H
ÂM
D
A
T
A
N

che

		chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
67.	Molinate	US EPA 507 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
68.	Pendimetalin	US EPA 507 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
69.	Permethrin	US EPA 1699 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
70.	Propanil	US EPA 532 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
71.	Simazine	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
72.	Trifluralin	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
73.	2,4,6-Triclorophenol	US EPA 8270D (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
74.	Bromodiclorome tan	USEPA 524.4 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với	06		

CR

		ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
75.	Bromoform	US EPA 501.3:1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
76.	Chloroform	US EPA 501.3:1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
77.	Dibromoacetonitrile	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
78.	Dibromochloromethane	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
79.	Dichloroacetonitrile	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
80.	Dichloroacetic acid	US EPA 552.2 SMEWW 6251:2012 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
81.	Formaldehyde	US EPA 556 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		

Ch

82.	Monochloramine	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
83.	Monochloroacetic acid	US EPA 552.2 SMEWW 6251:2012 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
84.	Trichloroacetic acid	US EPA 552.2 SMEWW 6251:2012 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
85.	Trichloroacetonitrile	US EPA 551.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
86.	Hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 8879:2011 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
87.	Hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 8879:2011 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
88.	Cadimi (Cd)	TCVN 6197:2008 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
89.	Chì (Pb)	TCVN 6197:2008 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với	06		

cfu

		ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)			
90.	Đồng (Cu)	TCVN 6193:1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
91.	Mangan (Mn)	TCVN 6193:1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	105		
92.	Kẽm (Zn)	TCVN 6193:1996 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		
93.	Bromate	US EPA 300.1 (Chấp nhận các phương pháp có giới hạn định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác tương đương hoặc cao hơn)	06		